



Nhân dân tỉnh
Hà Tĩnh (M)
Giờ ký:
27/11/2018
16:32:10

27/11/2018: Lưu đã chấp hành.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 45/2018/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 27 tháng 11 năm 2018

IO Hộ thặng (tư các Trại thủy lợi)

QUYẾT ĐỊNH

28/11/18

Về việc quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi
giai đoạn 2018-2020 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

[Signature]

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
- Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;
- Căn cứ Luật Giá ngày 20/6/2012;
- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí ngày 25/11/2015;
- Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích; số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Văn bản số 2106/SNN-TL ngày 30/10/2018 và Văn bản số 2155/SNN-TL ngày 06/11/2018; của Sở Tài chính tại Văn bản số 3960/STC-GCS ngày 04/10/2018; báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp tại Văn bản số 485/BC-STP ngày 25/10/2018; ý kiến thống nhất của Hội đồng nhân dân tỉnh tại Văn bản số 381/HĐND ngày 22/11/2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2018-2020 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2018-2020 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.
2. Đối tượng áp dụng: Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động thủy lợi trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, gồm: Chủ sở hữu công trình thủy lợi; chủ quản lý công trình thủy lợi; tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi;

tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

3. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2018-2020 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh áp dụng cụ thể như sau:

a) Biểu giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa:

TT	Vùng và biện pháp công trình	Giá (1.000 đồng/ha/vụ)
1	Miền núi	
-	Tưới, tiêu bằng động lực	1.811
-	Tưới, tiêu bằng trọng lực	1.267
-	Tưới, tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	1.539
2	Đồng bằng	
-	Tưới, tiêu bằng động lực	1.433
-	Tưới, tiêu bằng trọng lực	1.003
-	Tưới, tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	1.218

- Trường hợp tưới, tiêu chủ động một phần thì mức giá bằng 60% mức giá quy định tại Biểu trên.

- Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng trọng lực thì mức giá bằng 40% mức giá quy định tại Biểu trên.

- Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng động lực thì mức giá bằng 50% mức giá quy định tại Biểu trên.

- Trường hợp lợi dụng thủy triều để tưới, tiêu thì mức giá bằng 70% mức giá tưới tiêu bằng trọng lực quy định tại Biểu trên.

- Trường hợp phải tạo nguồn từ bậc 2 trở lên đối với các công trình được xây dựng theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, mức giá được tính tăng thêm 20% mức giá quy định tại Biểu trên.

- Trường hợp phải tách riêng mức giá cho tưới, tiêu trên cùng một diện tích thì mức giá cho tưới được tính bằng 70%, cho tiêu được tính bằng 30% mức giá quy định tại Biểu trên.

b) Mức giá đối với diện tích trồng mạ, rau, màu, cây công nghiệp ngắn ngày kể cả cây vụ đông được tính bằng 40% mức giá đối với đất trồng lúa.

c) Mức giá áp dụng đối với sản xuất muối được tính bằng 2% giá trị muối thành phẩm.

d) Mức giá đối với cấp nước để chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và cấp nước tưới cho cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu được tính theo Biểu sau:

TT	Các đối tượng dùng nước	Đơn vị	Mức giá theo các biện pháp công trình	
			Động lực	Trọng lực
1	Cấp nước cho chăn nuôi	đồng/m ³	1.320	900
2	Cấp nước để nuôi trồng thủy sản	đồng/m ³	840	600
		đồng/m ² mặt thoát/năm	250	
3	Cấp nước tưới các cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu	đồng/m ³	1.020	840

- Trường hợp cấp nước để nuôi trồng thủy sản lợi dụng thủy triều được tính bằng 50% mức giá quy định tại Biểu mức giá đối với cấp nước nêu trên.

- Trường hợp cấp nước tưới cho cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa, cây dược liệu nếu không tính được theo mét khối (m³) thì tính theo diện tích (ha), mức giá bằng 80% mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa cho một năm theo quy định.

e) Tiêu, thoát nước khu vực nông thôn và đô thị trừ vùng nội thị mức giá bằng 5% mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi của tưới đối với đất trồng lúa/vụ.

4. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi được tính từ điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi giữa tổ chức, cá nhân cung cấp và tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm dịch vụ đến vị trí công trình thủy lợi đầu mối ở vị trí khởi đầu.

5. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2018-2020 quy định tại Quyết định này là giá không có thuế giá trị gia tăng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

2. Quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã, các đơn vị, Công ty TNHH một thành viên Thủy lợi trên địa bàn tỉnh phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển

nông thôn, Sở Tài chính để xem xét, tham mưu, báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Điều 3. Hiệu lực thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 08/12/2018.

Các quy định tại Khoản 1, Khoản 3, Khoản 4 Điều 2 và giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi đối với cấp nước để chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, cấp nước tưới cho cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa, cây dược liệu được quy định tại Biểu 2 Khoản 2 Điều 2 Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 20/2017/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; Giám đốc các Công ty TNHH một thành viên Thủy lợi trên địa bàn tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Bộ: Tài chính, Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TTr Tỉnh ủy, TTr HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Phó VP UBND tỉnh (theo dõi NL);
- Trung tâm CB-TH;
- Lưu: VT, NL₁.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đã ký

Đặng Quốc Khánh